

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 06 - 9 - 2022

V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyên và ông Lý Viết Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, và quyết định hoãn phiên tòa ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị B, sinh năm 1978 (Có mặt).

HKTT: Xã BQ, huyện TB, tỉnh Quảng Nam.

Tạm trú: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

HKTT: Xã BQ, huyện TB, tỉnh Quảng Nam.

Tạm trú: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị B trình bày:

Bà B và ông Nguyễn Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2010 tại UBND xã BQ, huyện TB, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do ông H thường xuyên bài bạc phá tán tài sản trong gia đình, trong nhà có đồ đạc gì đều đem đi bán, cầm cố hết, ông H còn thường xuyên nhậu nhẹt rồi đánh đập xúc phạm danh dự của bà B. Việc mâu thuẫn này xảy ra trong một khoảng thời gian tương đối dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý và việc học của con. Bà B

đã vì con mà tha thứ cho chồng rất nhiều lần, cũng cho rất nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi được.

Trước nay, bà B vì nghĩ đến tương lai của con, muốn con có mẹ có cha nên cố gắng kéo dài mối quan hệ này, đến nay bà B nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn rất nghiêm trọng không thể tiếp tục hàn gắn thêm được, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, nên bà B có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: có 01 con chung cháu Nguyễn Tô Nhi P, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2011. Nguyện vọng của bà B sau khi ly hôn thì được nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B, ông H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ông H và bà Tô Thị B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2010 tại UBND xã BQ, huyện TB, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Trong cuộc sống vợ chồng ông H thừa nhận có những lúc nóng nảy có đánh vợ. Tuy nhiên, ông còn yêu thương vợ con nên việc bà Tô Thị B làm đơn xin ly hôn thì ông H không đồng ý và xin được đoàn tụ.

Về con chung: có 01 con chung: Cháu Nguyễn Tô Nhi P, sinh ngày 15/3/2011. Trường hợp tòa án giải quyết ly hôn thì nếu bà B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P thì ông H đồng ý giao cháu P cho bà B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua biên bản xác minh ngày 02/8/2022 về tình trạng hôn nhân giữa bà Tô Thị B và ông Nguyễn Đình H thì Chính quyền địa phương cho biết: Quá trình chung sống tại địa phương thì bà B và ông H thường xuyên xảy ra cãi vã. Qua tìm hiểu được biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông H hay nhậu say về chửi bới vợ con. Chính quyền địa phương đã tới nhà khuyên nhủ nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Cho bà Tô Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Đình H. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tô Nhi P, sinh ngày 15/3/2011 cho bà Tô Thị B nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Bà Tô Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Đình H có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Đình H mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Tô Thị B với ông Nguyễn Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BQ, huyện TB, tỉnh Quảng Nam vào ngày 05 tháng 5 năm 2010. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng bà B, ông H đều thừa nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng mờ nhạt, xa cách dần. Bên cạnh đó ông H hay nhậu say về nhà đánh bà B nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Theo bà B trình bày, bà đã cho ông H nhiều cơ hội để thay đổi bản thân nhưng vẫn không thay đổi được. Ông H trình bày, bản thân ông H đã nhận ra sai lầm của bản thân và xin được đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho bà B, ông H có thời gian suy nghĩ chuyện tình cảm vợ chồng, nhưng bà B cho rằng ông H không có thiện chí, hay bỏ nhà đi không về nhà nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án triệu tập lên hòa giải nhưng ông H trốn tránh không lên Tòa án làm việc, thể hiện sự không thiện chí trong việc xin đoàn tụ gia đình. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho bà B được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung cháu Nguyễn Tô Nhi P, sinh ngày 15/3/2011. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà B đều giữ nguyên ý kiến xin được nuôi dưỡng con chung, ông H có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà B nuôi. Mặt khác, cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định về tinh thần, tâm lý, đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy và đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng của con chung, HĐXX cần giao cháu Nguyễn Tô Nhi P, sinh ngày 15/3/2011 cho bà Tô Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà B không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B, ông H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tô Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tô Nhi P, sinh ngày 15/3/2011 cho bà Tô Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đình H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Tô Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016341 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã BQ, huyện TB, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam